

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: BẢO TRÌ HỆ THỐNG MẠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	5,5	7,0	6,5		5,5		5,9	Đạt
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	6,0	6,5	6,3		7,0		6,7	Đạt
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1	6,0	6,5	6,3				2,5	Thi lại
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	5,0	5,0	5,0		6,5		5,9	Đạt
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	9,0	9,0	9,0		7,5		8,1	Đạt
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	7,0	6,0	6,3		5,5		5,8	Đạt
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	6,5	6,0	6,2		7,0		6,7	Đạt
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: BẢO TRÌ HỆ THỐNG MẠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
14	2213360072	Lê Quốc Duy	Khang	31/03/2004	02TM14C1	6,5	7,0	6,8		6,5		6,6	Đạt
15	2213360126	Châu Tuấn	Khang	25/10/2006	02TM14C1	6,0	7,0	6,7		6,0		6,3	Đạt
16	2213360124	Trần Đăng	Khoa	01/12/2006	02TM14C1	5,5	5,0	5,2		7,0		6,3	Đạt
17	2213360107	Phùng Ngô Anh	Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	6,0	5,0	5,3		6,5		6,0	Đạt
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng	Linh	03/01/2004	02TM14C1	6,0	7,5	7,0		7,0		7,0	Đạt
19	2213360282	Ngô Phúc	Lộc	06/06/2006	02TM14C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
20	2203360227	Trần Tuấn	Long	22/08/2002	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
21	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện	Nhân	22/12/2006	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
22	2213360140	Bùi Đình Đức	Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	5,0	6,0	5,7		6,5		6,2	Đạt
23	2213360281	Bùi Trung	Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	7,0	5,5	6,0		8,0		7,2	Đạt
24	2213240196	Thân Thị	Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
25	2213360024	Trịnh Thanh	Phong	14/01/2004	02TM14C1	8,0	7,0	7,3		7,5		7,4	Đạt
26	2213360270	Đặng Khải	Phong	28/03/2005	02TM14C1	6,0	6,0	6,0		6,5		6,3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: BẢO TRÌ HỆ THỐNG MẠNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0	6,0		
27	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	5,0	5,0	5,0		6,0		5,6	Đạt
28	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
29	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	6,0	6,0	6,0		6,0		6,0	Đạt
30	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	5,0	6,5	6,0		6,5		6,3	Đạt
31	2203360229	Nguyễn Hoàng Tiến	28/05/2005	02TM13C1	6,0	6,5	6,3		4,0		4,9	Đạt
32	2213360351	Lê Đăng Nhựt Quang	21/12/2003	02TM14C1	7,0	8,5	8,0		7,5		7,7	Đạt
33	2213360309	Trần Công Thành	27/06/2005	02TM14C1	6,0	8,5	7,7		7,0		7,3	Đạt
34	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	9,0	6,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
35	2213360134	Nguyễn Hoàng Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	9,0	7,5	8,0		6,5		7,1	Đạt
36	2213360175	Lê Anh Tuấn	09/11/2006	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
37	2213360056	Thái Quốc Tường	27/05/2003	02TM14C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại